

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 31/5/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Ánh

**Các Hội thẩm nhân dân :** 1. Ông Nguyễn Thanh Vân

2. Bà Phan Thị Thu Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Phấn-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐST -DS ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo uỷ quyền của bà S:

Ông Lê Văn S, sinh năm 1965, địa chỉ: phường M, thành phố N, Tiền Giang.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Hoàng P, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

(ông S và bà L có mặt, ông P vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 26/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Tuyết S và đại diện theo uỷ quyền của bà S là ông S trình bày:*

Thông qua mối quan hệ họ hàng, bà L có hỏi bà S vay tiền để trị bệnh cho chồng. Ngày 30/6/2020 âm lịch, bà có cho bà L vay 10.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k 9999, bà L có hẹn đến ngày 30/7/2020 âm lịch sẽ trả, việc cho vay không có lãi. Bà L có ký vào văn bản viết tay nhận nợ. Bà L có bán đất nhưng không trả số tiền trên. Tại buổi hoà giải ngày 21/01/2021 của uỷ ban nhân dân xã Q bà L thừa nhận còn nợ bà 25.000.000 đồng trong đó mượn 10.000.000 đồng tiền mặt và 03 chỉ vàng 24k 9999 tương đương 15.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P liên đới trả cho bà 25.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi của số tiền này ngày 01/10/2020 dương lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm lãi suất 0.83%/tháng.

Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của bà S trình bày: bà S yêu cầu bà L và ông P liên đới trả cho bà S 10.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k 9999. Đồng thời yêu cầu bà L và ông P liên đới trả lãi trên số tiền 10.000.000 đồng tính từ ngày 01/10/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 8 tháng với lãi suất 0.83%/tháng là 664.000 đồng.

*Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Ngày 04/3/2020 âm lịch bà có vay của bà S 10.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng bà đóng cho bà S 4.000.000 đồng/tháng, bà có thoả thuận 02 tháng trả lại. Bà S có nói với bà do bà không trả được thì đóng lãi. Giấy nợ do bà S viết bà có ký tên, bà S giữ. Tháng 04 năm 2020 âm lịch bà có vay của bà S 03 chỉ vàng 24 k 9999 bà đóng lãi cho bà S mỗi tháng 5.000.000 đồng. Bà S nói với bà là bà S làm mất giấy nên yêu cầu bà ký lại giấy mượn tiền vào ngày 30/6/2020 âm lịch, trong giấy mượn tiền bà ký không có ghi lãi suất cho vay. Do không có chứng cứ chứng minh số tiền lãi bà đã đóng cho bà S nên bà cũng đồng ý trả cho bà S 25.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Số tiền này bà vay chồng bà không biết nên bà đồng ý trả một mình, hoàn cảnh khó khăn bà xin không trả lãi. Bà vay tiền là để lo ăn uống trong nhà và trả nợ vay trước đó. Bà có đưa giấy mời cho chồng bà, nhưng do chồng bà không biết về việc bà vay tiền của bà S, nên chồng bà không đến Tòa.

Tại phiên tòa bà đồng ý trả cho bà S 10.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k 9999 nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 10.000.000 đồng. Đối với số vàng 03 chỉ 24k 9999 bà xin trả dần mỗi tháng 01 phân vàng cho đến khi hết số vàng trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng P trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông P đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông P, đồng thời cũng không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục về tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo việc xét xử vô tư, khách quan. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P liên đới cho bà Nguyễn Thị Tuyết S số tiền 10.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k 9999. Buộc bà L và ông P liên đới trả

số tiền lãi đối với số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 01/10/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Tuyết S căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 30/6/2020 âm lịch yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P liên đới trả số tiền 10.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k 9999, yêu cầu trả lãi trên số tiền 10.000.000 đồng tính từ ngày 01/10/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0.83%/tháng là 664.000 đồng. Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là bà L có nơi cư trú tại ấp Long Thạnh, xã Q, huyện E, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự..

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện E đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo hòa giải nhiều lần cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hoàng P để hòa giải nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Hoàng P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà S, hội đồng xét xử nhận thấy: từ giấy biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp bà L thừa nhận do bà L ký. Bà L cho rằng bà đã đóng lãi cho bà S từ tháng 03 năm 2020 đến tháng 02 năm 2021 mỗi tháng 4.000.000 đồng đối với tiền gốc 10.000.000 đồng, mỗi tháng 5.000.000 đồng đối số vàng 03 chỉ 24k 9999 nhưng có không có chứng minh, nên bà cũng đồng ý trả cho bà S 10.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k 9999. Do đó bà S khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 10.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k 9999 là có căn cứ. Bà L trình bày do hoàn cảnh khó khăn bà xin không trả lãi, đối với tiền nợ gốc bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 10.000.000 đồng, số vàng 03 chỉ 24k 9999 bà xin trả dần mỗi tháng 01 phân vàng cho đến khi hết số vàng trên. Xét thấy việc bà L xin trả dần và xin không trả lãi không được phía bà S đồng ý, nên không được chấp nhận.

[4] Đối với số tiền lãi bà S yêu cầu trả lãi từ ngày 01/10/2020 theo lãi suất 0.83% tháng trên số tiền 10.000.000 đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 664.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tiền không có thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận ngày 30/7/2020 âm lịch bà L sẽ trả hết số tiền và số vàng đã vay, nhưng bà L đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự: “ Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả,...”. Đối chiếu với điều luật viện dẫn trên, bà L phải trả lãi cho S theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật

dân sự là 10 %/ năm tương đương 0.83%/tháng tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 8 tháng đối với số tiền 10.000.000 đồng được xác định là 0.83%/tháng x 10.000.000 đồng x 8 = 664.000 đồng. Do vậy bà S yêu cầu bà L trả lãi với số tiền 664.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Theo lời trình bày của bà L tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, kết quả xác minh ngày 14/4/2021 của Tòa án tại uỷ ban xã Giao Long, thể hiện bà L thực hiện hợp đồng vay với bà S trong thời gian hôn nhân giữa bà và ông P đang tồn tại, đồng thời bà L trình bà vay tiền là để lo ăn uống trong nhà và để trả nợ, hiện tại bà L và ông P vẫn đang sống chung. Do đó theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình thì ông P phải có nghĩa vụ cùng bà L trả số tiền mà bà L đã vay của bà S.

[6] Từ những nhận định trên có cơ sở chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết S số tiền 10.664.000 đồng trong đó 10.000.000 đồng là tiền gốc và 664.000 đồng là tiền lãi và 03 chỉ vàng 24k 9999.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 10.664.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k 9999 là 1.338.000 đồng

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết S.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết S 03 chỉ vàng 24k 9999 và 10.664.000 (mười triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng trong đó 10.000.000 (mười triệu) đồng là tiền gốc, tiền lãi là 664.000 (sáu trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng.

Về án phí: bà Nguyễn Thị L và ông Trần Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.338.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Ánh**

